

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672012 - Hình họa - vẽ kỹ thuật
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Tiến	Đức	3472020026	23/02/1991	,00	,00	,00	CT
2	Lê Thị Hồng	My	3472020064	10/07/1992	7,30	5,80	6,30	
3	Huỳnh Văn	Thiên	3572021194	05/09/1990	7,50	3,20	4,50	
4	Võ Thành	Tài	3673020293	02/01/1994	5,20	2,80	3,50	
5	Trương Quốc	Hòa	3673020421	12/09/1994	7,20	8,60	8,20	
6	Lê Hoàng	Bảo	3673020430	07/01/1994	7,00			
7	Nguyễn Minh	Khang	3673020468	25/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
8	Phạm Thái	Khang	3673020822	15/08/1994	7,90			
9	Nguyễn Duy	Hiền	3673020885	01/09/1994	9,30	9,50	9,40	
10	Phạm Hoàng	Hải	3673020923	09/11/1993	7,20	8,90	8,40	
11	Lý Thành	Đô	3673020948	20/04/1994	8,70	9,00	8,90	
12	Nguyễn Thành	Mến	3673021001	09/09/1994	6,40	5,90	6,10	
13	Trương Văn	Hoàng	3673021060	20/08/1993	5,50	6,20	6,00	
14	Nguyễn Văn	Hùng	3673021149	20/04/1992	6,10	7,30	6,90	
15	Đỗ Xuân	Tùng	3673021522	16/10/1994	6,20	8,20	7,60	
16	Nguyễn Trường	Giang	3773020351	26/11/1995	,00	,00	,00	CT
17	Trương Nguyễn Quỳnh	Hoa	3773020373	16/04/1995	7,00			
18	Từ Chí	Toàn	3773020374	01/08/1994	5,10			
19	Đoàn Duy	Vương	3773020396	18/02/1995	7,60	5,60	6,20	
20	Nguyễn Thị Minh	Châu	3773020399	24/10/1995	,00	,00	,00	CT
21	Lê Đức	Trận	3773020400	13/06/1994	5,50			
22	Nguyễn Hoài	Phong	3773020410	28/04/1995	4,30	4,10	4,20	
23	Nguyễn Phương	Thuận	3773020429	14/07/1994	6,50	5,30	5,70	
24	Nguyễn Minh	Ý	3773020456	08/08/1994	3,00	1,80	2,20	
25	Ngô Trường	Nhân	3773020459	07/04/1993	5,70	5,60	5,60	
26	Đoàn Thanh	Tiền	3773020461	21/08/1995	6,40	6,00	6,10	
27	Huỳnh Bá	Định	3773020464	19/11/1995	7,10	,00	2,10	CT
28	Lê Thanh	Sang	3773020471	15/10/1995	4,10	1,60	2,40	
29	Mai Xuân	Đức	3773020474	27/04/1994	4,70	7,00	6,30	
30	Nguyễn Bùi Minh	Tân	3773020498	25/10/1995	5,40	4,00	4,40	
31	Nguyễn Nghiêm Quốc	Trí	3773020501	17/04/1994	3,00			
32	Trương Quốc	Hội	3773020502	20/09/1994	3,70	3,00	3,20	
33	Hồ Đức	Hiệu	3773020522	10/04/1995	6,40	3,80	4,60	
34	Trần Thị Ngọc	Thảo	3773020535	21/05/1995	5,50	5,70	5,60	
35	Trần Nguyễn Thanh	Phong	3773020538	27/03/1995	6,00	3,80	4,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Bùi Công	Lưu	3773020547	28/06/1994	9,60	9,00	9,20	
37	Nguyễn	Huỳnh	3773020550	14/02/1995	,00	,00	,00	CT
38	Võ Duy Kiều	Oanh	3773020556	19/05/1995	7,00	8,20	7,80	
39	Dương Quốc	Nhật	3773020567	05/06/1994	5,90	5,30	5,50	
40	Văn Hải	Son	3773020571	21/06/1994	5,10			
41	Nguyễn Thành	Lân	3773020576	21/08/1995	5,00	5,30	5,20	
42	Huỳnh Thúc	Bảo	3773020586	26/03/1995	8,70	8,30	8,40	
43	Phan Minh	Tâm	3773020587	07/09/1995	5,10	2,90	3,60	
44	Nguyễn Trần Nhật	Anh	3773020593	24/10/1993	4,60	4,60	4,60	
45	Đặng Văn	Ten	3773020594	10/12/1994	4,20	1,30	2,20	
46	Nguyễn Thị Thu	Hón	3773020602	10/06/1992	6,50	5,10	5,50	
47	Nguyễn Thanh	Hưng	3773020645	29/11/1995	5,60			
48	Lê Dương Hoàng	Phúc	3773020651	05/06/1995	6,20	5,30	5,60	
49	Nguyễn Hoàng Thái	Châu	3773021153	04/01/1995	,00	,00	,00	CT
50	Ngô Thị Ngọc	Trâm	3773021243	27/06/1995	7,50	4,10	5,10	
51	Phan Văn	Quyết	3773021286	26/06/1995	2,20	1,00	1,40	
52	Phan Thanh	Trọng	3773021332	25/02/1995	,00			
53	Nguyễn Kim	Cương	3773021376	28/10/1995	8,10	8,40	8,30	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)